TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Khoa Kinh tế - Du lịch **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Kế toán Mã số: 7340301

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Tiếng Việt chuyên ngành	**1.2. Tên tiếng Anh:** Vietnamese for Economics
1.3. Mã học phần: KTTVCN.241	**1.4. Số tín chỉ: 03**
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	0 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lê Khắc Hoài Thanh
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Các giảng viên theo sự phân công của bộ môn
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Không có

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Học phần bao gồm các từ vựng, thuật ngữ cơ bản về chủ đề kinh tế như các khái niệm kinh tế cơ bản, thị trường tiêu dùng, thương hiệu, vấn nạn thất nghiệp, ngân hàng... Cung cấp cho sinh viên một số lượng từ vựng và kỹ năng cần thiết hỗ trợ sinh viên trong việc giao tiếp và tiếp thu kiến thức trong quá trình học các học phần trong chuyên ngành kinh tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Cung cấp cho người học một lượng từ vựng, thuật ngữ liên quan đến chuyên ngành kinh tế, thông qua các chủ đề cụ thể.

2.2.2. Về kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu kết hợp với các kỹ năng nghe, nói, viết Tiếng Việt thông qua việc thực hiện các bài tập cụ thể. Giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học để thực hành thảo luận, chia sẻ thông tin, tiếp cận các lĩnh vực kinh tế.

2.2.3. Về thái độ

- Tham dự giờ giảng đầy đủ, nghe giảng, tự học, tự nghiên cứu tài liệu bắt buộc và tham khảo để vận dụng kiến thức nhằm làm bài tập và thảo luận theo nhóm có hiệu quả.

- Có ý thức tự học để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Hiểu được các từ vựng, thuật ngữ trong lĩnh vực kinh tế
CLO2	Ứng dụng tiếng Việt trong quá trình học chuyên ngành, có khả năng trình bày một bài nói bằng tiếng Việt và giao tiếp trong môi trường học tập và làm việc
CLO3	Phát triển khả năng làm việc độc lập, tư duy phản biện, phối hợp và làm việc theo nhóm hiệu quả.
CLO4	Cập nhật thường xuyên kiến thức mới liên quan đến lĩnh vực chuyên môn, không ngừng học tập trau dồi kiến thức và hiểu biết các vấn đề đương đại.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	M				R	R	R	M,A	I		M	
CLO 2	M	M	M					M,A				
CLO 3	R	R			R			R				
CLO 4										R	A	M
Tổng hợp học phần	M	M	M		R	R	R	M,A	I	R	A	M

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu,có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	**Trọng số**	**Bài đánh giá**	**Trọng số con**	**Rubric (đánh dấu X nếu có)**	**Lquan đến CĐR nào ở bảng 1**	***Hướng dẫn phương pháp đánh giá***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	*(7)*
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	10%			x	CLO2, CLO3, CLO4	Đánh giá theo Rubric 1
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	30%	A2.1. Tuần 5: Bài 1 - 3	30%	x	CLO 1, CLO3, CLO4	Đánh giá theo Rubric 3 hoặc Rubric 4
		A2.2. Tuần 10: Bài 4 - 6	30%	x	CLO 1, CLO3, CLO4	
		A2.3. Tuần 15: Bài 7 - 9	40%	x	CLO 1, CLO3, CLO4	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Viết hoặc vấn đáp			CLO 1, CLO 2, CLO3, CLO 4	Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn hoặc Rubric 4

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần: *Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (3 tiết/b)	**Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số)**	**Số tiết (LT/ TH/ TT)**	**CĐR của bài học (chương)/ chủ đề**	**Lquan đến CĐR nào ở bảng 1**	***PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR***	***Hoạt động học của SV(*)***	***Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3)***
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Các khái niệm kinh tế cơ bản 1.1. Kinh tế 1.2 Ngành kinh tế 1.3 Các ngành kinh tế cơ bản	3LT	1.1. Nắm được các từ vựng trong chủ điểm kinh tế, các ngành kinh tế	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 1) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi	
2	Bài 1: Tiếp theo 1.4 Các chỉ tiêu đánh giá nền kinh tế Bài 2: Tổng quan kinh tế Việt Nam 2.1 Quá trình phát triển	3 LT	1.2. Nắm được các chỉ tiêu đánh giá nền kinh tế	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 1, 2) (tài liệu [1])	

			2.1. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ về kinh tế Việt Nam		thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
3	Bài 2: Tiếp theo 2.1. Tiếp 2.2 Các sự kiện quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam 2.3 Các vùng kinh tế: 8 vùng	3 LT	2.2 Nắm được các sự kiện trong quá trình phát triển kinh tế Việt Nam 2.3. Nắm được 8 vùng kinh tế cơ bản	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 2) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
4	Bài 2: Tiếp theo 2.3. Tiếp Bài 3: 10 sự kiện kinh tế Việt Nam 3.1 Tăng trưởng kinh tế 3.2 Xuất nhập khẩu	3 LT	3.1. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ trong chủ đề về tăng trưởng kinh tế và xuất nhập khẩu.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 2, 3) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	

5	Bài 3: Tiếp theo 3.2. Tiếp theo 3.3 Đầu tư	3 LT	3.2. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ trong chủ đề về đầu tư	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 3) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A2.1
6	Bài 4: Thương hiệu 4.1 Thương hiệu là gì? 4.2 Danh mục thương hiệu 4.3 Giá trị thương hiệu	3 LT	4.1. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ trong chủ đề về thương hiệu: khái niệm, danh mục thương hiệu, giá trị thương hiệu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 4) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
7	Bài 4: Tiếp theo 4.3. tiếp Bài 5: Thị trường tiêu dùng 5.1 Thị trường mũ bảo hiểm đã bão hòa	3 LT	4.2. Thuyết trình về một thương hiệu mà bản thân yêu thích hoặc biết đến 5.1. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ trong	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 4, 5) (tài liệu [1]), chuẩn bị bài thuyết trình	

			chủ đề về thị trường tiêu dùng			- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
8	Bài 5: Tiếp theo 5.2. Giảm giá để cạnh tranh	3 LT	5.2. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ trong chủ đề về cạnh tranh	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 5) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	
9	Bài 5: tiếp theo Bài 6: 15 năm điện thoại di động ở Việt Nam 6.1 Các mạng điện thoại di động 6.2 Phát triển nhờ có nhân tố mới	3 LT	6.1 Nắm được các từ vựng, thuật ngữ trong chủ đề kinh doanh và dịch vụ viễn thông	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 5, 6) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	

10	Bài 6: Tiếp theo 6.3 Bước ngoặt của thị trường 6.4 Các công ty điện thoại di động	3 LT	6.2. Vận dụng điền vào mẫu đơn đăng ký các dịch vụ ở Việt Nam	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 6) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A2.2
11	Bài 7: Vấn nạn thất nghiệp toàn cầu 7.1 Tình hình thất nghiệp trên thế giới	3 LT	7.1. Nắm được các từ vựng, thuật ngữ trong chủ đề vấn nạn thất nghiệp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 7) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi	
12	Bài 7: Tiếp theo 7.2 Những xu hướng việc làm toàn cầu Bài 8: Dịch vụ ngân hàng 8.1 Nghịch lý	3 LT	7.2. Nắm được từ vựng và thuật ngữ về xu hướng việc làm toàn cầu 7.3. Thực hiện, thiết kế một mẫu đăng ký tuyển dụng	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 7, 8) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi,	

			8.1. Nắm được từ vựng và thuật ngữ về ngành ngân hàng			thảo luận nhóm, làm bài tập	
13	Bài 8: Tiếp theo 8.2 Kích cầu và giải bài toán lãi suất 8.3 Lãi suất vẫn trong kỳ vọng giảm	3 LT	8.2. Nắm được từ vựng và thuật ngữ về lãi suất	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 8) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A1.2.
14	Bài 8: Tiếp theo Bài 9: Thị trường điện tử - Điện lạnh 9.1 Hàng khuyến mãi 9.2 Giá và chất lượng	3 LT	8.3 Vận dụng hoàn thiện mẫu đơn đăng ký mở tài khoản ngân hàng 9.1 Nắm được từ vựng và thuật ngữ về khuyến mãi, giá và chất lượng sản phẩm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 8, 9) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	

15	Bài 9: Tiếp theo 9.2. Tiếp 9.3. Hàng bán dạo	3 LT	9.2. Nắm được từ vựng và thuật ngữ về các hình thức bán hàng	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để thuyết giảng, giải thích cụ thể, câu hỏi gợi mở	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Bài 9) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập	A2.3
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì						A3

(*) Ghi chú:

- *(3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*
- *(6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*
- *(7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số….).*

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	Lê Khắc Hoài Thanh	2021	Bài giảng Tiếng Việt chuyên ngành	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	Nguyễn Văn Ngọc	2012	Từ điển kinh tế học	NXB Đại học Kinh tế quốc dân

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chínhphục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…	**Số lượng**	
1	**Giảng đường A/C**	*Projector, máy tính cá nhân*	*1*	*Tất cả bài học*

9. Rubric đánh giá

Đánh giá chuyên cần (Attendace Check): Rubric 1

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %).	**50%**
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	**50%**

Đánh giá bài tập (Work Assigment): Rubric 3

Rubric 3: Bài tập (Work Assigment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	**20%**
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	**30%**
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	**50%**

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Đánh giá thi vấn đáp (Oral Exam): Rubric 4.

Rubric 4: Thi vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	**MỨC D (4.0-5.4)**	**MỨC C (5.5-6.9)**	**MỨC B (7.0-8.4)**	**MỨC A (8.5-10)**	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	**20%**
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	**80%**

Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021

Trưởng khoa **Trưởng bộ môn** **Người biên soạn**

Lê Khắc Hoài Thanh

KHOA KINH TẾ - DU LỊCH
BỘ MÔN TC - KTCS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: TIẾNG VIỆT CHUYÊN NGÀNH (VIETNAMESE FOR ECONOMICS)
Mã học phần: KTTVCN.241
Số tín chỉ: 03 Trình độ đào tạo: Đại học
Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành Kế toán Hệ chính quy

1. Thông tin hoạt động nghiệm thu:

Thời gian nghiệm thu: phút, ngày tháng năm 2021
Địa điểm nghiệm thu: Văn phòng Khoa Kinh tế - Du lịch
Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng nghiệm thu:

1. ThS. Phan Thị Thu Hà Chủ tịch hội đồng
2. TS. Trần Thị Thu Thuỷ Phản biện 1
3. TS. Bùi Khắc Hoài Phương Phản biện 2
4. ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng Uỷ Viên
5. ThS. Lê Khắc Hoài Thanh Thư ký

2. Ý kiến của Hội đồng nghiệm thu:

- Phản biện 1: TS. Trần Thị Thu Thuỷ đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Phản biện 2: Bùi Khắc Hoài Phương đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Ý kiến thảo luận, bổ sung của thành viên Hội đồng: Học phần Tiếng Việt chuyên ngành cần có những chỉnh sửa về tính cân đối về thời gian phân bố đối với các nội dung kiến thức.

3. Kết luận của Hội đồng:

Về hình thức:

- Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.
- Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 4, trang 5)

Về nội dung:

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán.
- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, cơ bản, chú ý rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành, liện hệ thực tế cho sinh viên. Có

khả năng đo lường, và thực hiện các hoạt động thu thập minh chứng cho việc đạt được mục tiêu học phần.

- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.
- Tuy nhiên cần xem xét thời lượng phân bố giữa các chương cho cân đối, thời lượng bài tập với môn này nên tăng lên ở từng chương.

Kết luận: Chương trình cần chỉnh sửa trước khi được nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THƯ KÝ

ThS. Phan Thị Thu Hà **Lê Khắc Hoài Thanh**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. TS. Bùi Khắc Hoài Phương
2. TS. Trần Thị Thu Thuỷ
3. Nguyễn Thị Kim Phụng

KHOA KINH TẾ - DU LỊCH
BỘ MÔN TC – KTCS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: TIẾNG VIỆT CHUYÊN NGÀNH (VIETNAMESE FOR ECONOMICS)
Mã học phần: KTTVCN.241
Số tín chỉ: 03 Trình độ đào tạo: Đại học
Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành Kế toán Hệ chính quy

Nội dung nhận xét:

**** Về hình thức:***

Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.

Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 4, trang 5)

**** Về nội dung:***

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán.
- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học. Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo
- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.
- Quy định các hình thức kiểm tra đã phù hợp.

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021
NGƯỜI NHẬN XÉT

TS. Trần Thị Thu Thuỷ

KHOA KINH TẾ - DU LỊCH
BỘ MÔN KẾ TOÁN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: TIẾNG VIỆT CHUYÊN NGÀNH (VIETNAMESE FOR ECONOMICS)
Mã học phần: KTTVCN.241
Số tín chỉ: 03 Trình độ đào tạo: Đại học
Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành Kế toán Hệ chính quy

Nội dung nhận xét:

**** Về hình thức:***

Chương trình có hình thức trình bày rõ ràng, dễ hiểu, đúng mẫu quy định. Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận. Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 1, 2, 3)

**** Về nội dung:***

- Mục tiêu học phần bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.
- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học.
- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo, tuy nhiên diễn đạt trong phần kỹ năng cần điều chỉnh lại cho trôi chảy.
- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.
- Tuy nhiên cần xem xét lại thời lượng phân bổ cho các chương sao cho phù hợp hơn. Một số mục trong phần 12 cần điều chỉnh lại cho phù hợp theo như quy định thống nhất giữa CĐR và hình thức đánh giá

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021
NGƯỜI NHẬN XÉT

Bùi Khắc Hoài Phương